

Bản án số: **189/2018/HS-PT**

Ngày: 14 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **126/2018/HS-PT** ngày 04 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Phan Văn D. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **30/2018/HS-ST** ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Phan Văn D**, sinh năm 1974, tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan K (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1942; có vợ là Hà Thị Bích O, sinh năm 1976; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 07/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng (ngày 31/8/2016 được rút ngắn thời gian thử thách 06 tháng) và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc” (*đã chấp hành xong bản án*).

Nhân thân: Ngày 28/02/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc” (*đã chấp hành xong bản án*).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2017, chuyển tạm giam từ ngày 21/9/2017, đến ngày 05/01/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 11/9/2017, Phan Văn D gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại quán cà phê ở H, huyện Q; người này nhờ D gửi tiền xe khách chuyển 02 thùng thuốc nổ vào thành phố H, D đồng ý, nhận tiền công của người này với số tiền 2.000.000 đồng và đưa số điện thoại của D là 01202.451.000 để ghi lên các thùng hàng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, thông qua điện thoại, Đỗ Văn S nhận lời của D đến cầu vượt Ngã ba H chuyển 02 thùng hàng trên đến chỗ tập kết hàng hóa của Nhà xe C (Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K) tại đường Y, Đ, S nhận 60.000 đồng (*được kẹp sẵn trên thùng hàng*). Nguyễn Mạnh K là nhân viên nhà xe bốc 02 thùng hàng lên xe ô tô khách Biển số 43B.023.13. Khi xe đi đến địa phận thành phố T thì 02 thùng hàng bị kiểm tra, thu giữ; Nhà xe C hợp tác với Cơ quan điều tra, gọi điện cho D; D gọi cho người đàn ông lạ mặt để nhận 20.000.000 đồng và thông qua Phan Văn K chuyển đến nhân viên nhà xe (với mục đích cho xe đi); sau đó nhân viên nhà xe liên hệ D để nhận tiền bồi dưỡng; D bị bắt giữ khi giao tiền bồi dưỡng cho lái xe của nhà xe C.

Tang vật thu giữ gồm: 02 thùng thuốc nổ, có tổng trọng lượng 50kg, sau khi giám định còn 48kg; 01 điện thoại di động Samsung và sim 01202451000, 02 điện thoại di động Nokia và các sim 0974887979, 0905646039, 0935184581 của Phan Văn D; 01 giấy đăng ký xe biển kiểm soát 92G1-04797, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM Đông Á, 01 thẻ ATM Sacombank, 01 giấy lĩnh tiền mang tên Phan Văn D; 01 giấy vở học sinh có chữ ký của Phan Văn D; 01 thẻ ATM Agribank, 01 thẻ ATM Đông Á mang tên Phạm Huy T; số tiền 55.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 217/KLGD ngày 18/9/2017 của Hội đồng giám định Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam xác định: Thuốc nổ thu giữ là loại Tritonal còn sử dụng được.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số **30/2018/HS-ST** ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo **Phan Văn D** phạm tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ".

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b

khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn D 18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó là 03 tháng 26 ngày (từ ngày 11/9/2017 đến ngày 05/01/2018).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 04/5/2018, bị cáo Phan Văn D kháng cáo xin được hưởng án treo; tại phiên tòa bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hành vi vận chuyển 50 kg thuốc nổ của bị cáo Phan Văn D bị bắt quả tang vào ngày 11/9/2017 nên bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt 18 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị đau ốm nhưng những tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp, dưới khung hình phạt quy định và không nặng; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt và loại bỏ điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo không tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phan Văn D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Văn D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nhận vận chuyển 50 kg thuốc nổ của bị cáo Phan Văn D, bị bắt quả tang vào ngày 11/9/2017 tại đường N, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam kết án bị cáo Phan Văn D về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, áp dụng thêm Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để làm căn cứ xử phạt bị cáo Phan Văn D 18 tháng tù, mức án thấp dưới khung hình phạt mà điều luật quy định là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào ngày 11/9/2017, thời điểm này Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực pháp luật và Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 đã hết hiệu lực pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Nghị quyết số 109/2015/QH13 để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “bị cáo là con của cha, mẹ có công với cách mạng” quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là không sát đúng, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ loại bỏ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi mẹ già yếu và 03 con nhỏ (được Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận hoàn cảnh); bản thân bị cáo đang bị bệnh tăng huyết áp, bệnh tim thiếu máu cục bộ - hở van động mạch chủ (được bệnh viện C Đ xác nhận); bị cáo có ông nội ruột (ông Phan H) là liệt sĩ; nhưng những tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và khi quyết định hình phạt đã áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên không được xem là tình tiết giảm nhẹ mới. Bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm, có nhân thân không tốt; bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải; việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo 18 tháng tù là có căn cứ pháp luật, không nặng; Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phan Văn D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phan Văn D**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn D 18** (Mười tám) tháng tù, về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó là **03** (Ba) tháng **26** (Hai mươi sáu) ngày (từ ngày 11/9/2017 đến ngày 05/01/2018).

2/ Bị cáo Phan Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 14/9/2018.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thế Cẩm

